

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2024

V/v Ly hôn, Tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH K**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Khen.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn Huân, ông Nguyễn Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Hiêng Thị Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M – sinh năm: 1987; địa chỉ cũ: Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh K; địa chỉ mới: Thôn 5, xã N, huyện N, tỉnh T. Có mặt.

- *Bị Đơn:* Anh Nguyễn Văn H – sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con đề ngày 28/02/2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Quá trình chung sống do anh H không lo làm ăn phụ giúp vợ, con mà sa vào con đường bài bạc, nghiện ngập ma túy, nên giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, năm 2023 chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nhưng được Tòa án phân tích, nên chị đã rút đơn khởi kiện để anh H có cơ hội sửa chữa, tuy nhiên việc rút đơn đoàn tụ của chị không mang lại kết quả gì, anh H vẫn chứng nào tật ấy, không chịu sửa chữa, từ bỏ ma túy lại còn xúc phạm đến vợ con, gia đình chị, mâu thuẫn giữa chị và anh H mỗi ngày thêm trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể cải thiện, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vẫn là do anh H chơi bời, nghiện ngập ma túy, không quan tâm, tôn trọng gì đến vợ, con; ghen tuông không đúng, đốt quần áo của chị, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được

nên chị đã quyết định đưa hai con về bên bố mẹ chị sống ly thân để ổn định cuộc sống và chị xác định việc ly hôn với anh H là phương án phù hợp nhất để giải thoát mâu thuẫn trầm trọng hiện tại.

Về con chung: Thời kỳ hôn nhân anh H và chị M có 02 con chung là Nguyễn Thị N - sinh ngày 10/01/2011 và Nguyễn Thị Q - sinh ngày 06/01/2017. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Trong bản tự khai của cháu N và cháu Q, thì nguyện vọng của hai cháu khi bố, mẹ ly hôn là được ở với mẹ (chị M), vì mẹ có điều kiện chăm sóc tốt hơn.

Trong bản tự khai và hòa giải tại Tòa án đối với mức thu nhập hàng tháng của chị M, thì lương cơ bản là 6 triệu đồng/tháng, tổng thu nhập hàng tháng từ 8 triệu đồng trở lên, đủ khả năng để nuôi dưỡng hai con, chị cho rằng thu nhập của anh H không đủ cho bản thân chứ nói gì đến cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, các phiên hoà giải và lời khai tại phiên toà của anh Nguyễn Văn H: Anh thống nhất lời trình bày của chị M về hôn nhân và con cái, anh công nhận có theo bạn bè chơi ma tuý, nhưng nay anh đã từ bỏ, còn mâu thuẫn gia đình anh công nhận là có nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ không có xích mích gì lớn, do đó anh không đồng ý ly hôn với chị M; Nếu chị M cứ cương quyết ly hôn, thì anh chỉ đồng ý khi anh được quyền nuôi dưỡng một trong hai con (cháu N hoặc cháu Q).

Biên bản xác minh của Toà án tại thôn X, xã Đ, nơi gia đình chị M và H sinh sống, họ cho biết: Chính quyền thôn không nắm được mâu thuẫn cũng như chưa tham gia hoà giải mâu thuẫn của gia đình chị M, anh H. Họ chỉ có thông tin anh H chơi bời, bài bạc, ma tuý. Con cái chủ yếu do chị M nuôi dưỡng, chăm sóc.

Biên bản xác minh về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, Công an xã Đ cho biết, việc anh Nguyễn Văn H sử dụng trái phép chất ma tuý là có thật, đã bị Công an xã xử phạt vi phạm hành chính mức tiền phạt là 1.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không chứng minh được mức thu nhập, tuy nhiên trước khi mở phiên toà anh H cung cấp cho Toà án hợp đồng lao động có mức thu nhập là 510.000 đồng/ngày.

Tại phiên tòa: Hai bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51,56,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144,147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn; Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; Giao hai con Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/01/2011 và Nguyễn Thị Q, sinh ngày 06/01/2017 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi hai con. Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại thôn X, xã Đă, huyện N, tỉnh K, nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Văn H, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống do anh H không lo làm ăn mà sa vào con đường bài bạc, nghiện ngập ma tuý, nên giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, năm 2023 chị đã làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn, nhưng được Toà án phân tích, nên chị đã rút đơn khởi kiện để anh H có cơ hội sửa chữa, tuy nhiên việc rút đơn của chị không mang lại kết quả gì, anh H vẫn chứng nào tật ấy, không chịu sửa chữa, từ bỏ nghiện ngập ma tuý lại còn xúc phạm đến vợ con, gia đình chị, vì thế mà mâu thuẫn giữa chị và anh H mỗi ngày thêm trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể cải thiện được, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vẫn là do anh H chơi bời, không từ bỏ nghiện ngập ma tuý, không quan tâm, tôn trọng gì đến vợ và các con; ghen tuông không đúng, vô cớ đốt quần áo của chị, vì thế chị đã quyết định đưa hai con về bên bố mẹ chị sống ly thân để ổn định cuộc sống, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn với anh H. Như vậy việc xin ly hôn và ly hôn theo yêu cầu một bên của chị M là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/01/2011 và Nguyễn Thị Q, sinh ngày 06/01/2017. Khi ly hôn, chị

M có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con cho đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Trong bản tự khai của cháu N và cháu Q, thì nguyện vọng của hai cháu khi bố, mẹ ly hôn là được ở với mẹ (chị M), vì mẹ có điều kiện chăm sóc tốt hơn. Nhận thấy: Cháu N và cháu Q đến ngày xét xử đã đủ 07 tuổi và đang được chị M nuôi dưỡng, học tập tại thôn 5, xã N, huyện N, tỉnh T như bản tự khai mà hai cháu tự trình bày, nguyện vọng của hai cháu khi bố (Nguyễn Văn H) và mẹ (Nguyễn Thị M) ly hôn, nguyện vọng của hai cháu là được ở với mẹ, vì điều kiện của bố (Nguyễn Văn H) không thể nuôi các cháu được, hơn nữa các cháu là con gái, còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị M hiện tại có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc hai cháu tốt hơn, hơn nữa đây cũng là nguyện vọng được nuôi cả hai cháu của chị M. Để đảm bảo cho việc phát triển bình thường, ổn định cuộc sống của hai cháu, cần giao hai cháu Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị Q cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét nguyện vọng của anh H về việc được nuôi dưỡng một trong hai con đến khi trưởng thành, tự lập được. Nhận thấy, hiện tại anh H không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con là không thể và không phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người trực tiếp nuôi con không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng, nên không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên đều phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35; 144; 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử như sau:

1. Về đơn khởi kiện: Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị M.

2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

3. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị N - sinh ngày 10/01/2011 và Nguyễn Thị Q - sinh ngày 06/01/2017 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị M được trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 Số: 0001981 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K, chị M đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/5/2024.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện N;
- Đương sự;
- TAND tỉnh K;
- TAND Cấp cao;
- Chi cục THA huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Nguyễn Bá Khen**